

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Phụ lục II
CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH VÀ UBND CẤP HUYỆN NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số: 102/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	TÊN CƠ QUAN	CHỈ SỐ	XẾP HẠNG	GHI CHÚ
I	CÁC SỞ, BAN, NGÀNH			
1	Sở Nội Vụ	97,36%	1	
2	Văn phòng UBND tỉnh	97,12%	2	
3	Sở Khoa học và Công nghệ	95,20%	3	
4	Sở Thông tin và Truyền thông	94,23%	4	
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	93,77%	5	
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	92,24%	6	
7	Sở Tư pháp	91,94%	7	
8	Sở Tài chính	91,86%	8	
9	Sở Lao động- Thương binh và Xã hội	91,81%	9	
10	Sở Y tế	89,27%	10	
11	Sở Ngoại vụ	89,07%	11	
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	87,32%	12	
13	Sở Công Thương	86,49%	13	
14	Sở Xây dựng	86,38%	14	
15	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	85,72%	15	
16	Ban Dân tộc	85,59%	16	
17	Ban quản lý Khu Kinh tế Cửa khẩu Đồng Đăng- Lạng Sơn	84,75%	17	
18	Thanh tra tỉnh	84,74%	18	
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	82,62%	19	
20	Sở Giao thông vận tải	82,39%	20	
II	UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ			
1	UBND huyện Đình Lập	89,01%	1	
2	UBND huyện Bắc Sơn	85,32%	2	
3	UBND huyện Hữu Lũng	84,97%	3	
4	UBND huyện Bình Gia	84,87%	4	
5	UBND huyện Tràng Định	83,95%	5	
6	UBND huyện Chi Lăng	83,74%	6	
7	UBND thành phố Lạng Sơn	83,43%	7	
8	UBND huyện Cao Lộc	83,26%	8	
9	UBND huyện Lộc Bình	83%	9	
10	UBND huyện Văn Quan	82,71%	10	
11	UBND huyện Văn Lãng	81,52%	11	